

Top 3 bài văn mẫu Cảm nhận về hình tượng nhân vật khách trong bài thơ Phú sông Bạch Đằng Văn 10 tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

Cảm nhận về hình tượng nhân vật khách trong bài thơ Phú sông Bạch Đằng Ngữ Văn lớp 10 mẫu 1

Văn học dân tộc đã từng ghi lại biết bao nhiêu những hình tượng đẹp. Là Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn với bao nỗi trăn trở sục sôi về tinh thần tướng sĩ trong bài hịch bất hủ. Là vua Lí Công Uẩn đầy khát khao, hi vọng về tương lai đất nước trong Chiêu dời đô. Là bậc khai quốc công thần Nguyễn Trãi hào sảng, khí thế trong Đại cáo bình Ngô. Và khoảng sau 50 năm sau chiến thắng trên sông Bạch Đằng, có một Trương Hán Siêu đầy hoài niệm về những chiến công trong lịch sử dân tộc trong Phú sông Bạch Đằng. Nhưng để bộc lộ, giải bày xúc cảm ấy, bậc nho sĩ thời Trần đã gửi gắm qua hình tượng nhân vật khách, một sáng tạo thành công về mặt nghệ thuật đưa Phú sông Bạch Đằng trở thành một trong số những tác phẩm xuất sắc của thơ văn trung đại.

Theo đặc trưng của loại phú cổ thể, khách là một nhân vật được tác giả hư cấu, tưởng tượng, xây dựng theo hình thức đối đáp với một nhân vật nào đó (trong bài này là với các vị bô lão). Ở Phú sông Bạch Đằng, khách trở thành hình tượng trung tâm. Tác phẩm xét về mặt cấu trúc văn bản vẫn đáp ứng đầy đủ bốn đoạn thông thường (mở, giải thích, bình luận và kết), tuy nhiên cũng hoàn toàn thể cảm nhận bài phú dựa trên mạch cảm xúc của nhân vật khách. Đó là sự bộc bạch cái tráng trí bốn phương tha thiết và là nỗi niềm về cả một thời dĩ vãng oanh liệt của dân tộc năm xưa trên sông Bạch Đằng. Có lẽ bởi vậy nhiều người hiểu rằng khách chính là cái tôi của tác giả, là sự hóa thân tài tình của một bậc thi sĩ, một du sĩ và một đấng anh hùng chất chứa nhiều tâm sự về đất nước.

Và mở đầu bài phú, khách đã xuất hiện trong tâm thế của một đấng mặc khách, tao nhân, một nghệ sĩ lãng mạn, phóng khoáng, mang theo cái tráng trí bốn phương. Khách có kẻ:

Giương buồm giông gió chơi vơi

...

Học Tử Trường chừ thú tiêu dao

Qua những hình ảnh có tính ước lệ, cường điệu giương buồm giông gió, lướt bề chơi trăng, sớm gõ thuyền, chiều lần thăm khách hiện lên trong dáng vẻ của một con người có tâm hồn khoáng đạt, thích ngao du. Vị mặc khách ấy như thể đang vì

vu với gió trăng, trời bể suốt tháng ngày. Hai từ láy chơi với, mãi miết càng tô đậm thêm sự say mê, đắm chìm trong giấc mộng hải hồ. Phép liệt kê đã đưa khách viễn du đến những cảnh đẹp của Trung Quốc, rồi lại trở về lướt thuyền tới sông Bạch Đằng. Những vùng đất bắc phương kia, đâu khách chưa từng đặt chân đến, có khi chỉ biết qua sách vở nhưng đã thể hiện sự hiểu biết rộng của một bậc nho sĩ và cái tráng trí bốn phương của kẻ lãng du. Đi để khám phá thiên nhiên, để mở mang tri thức. Vì thế cứ nơi có người đi, đâu mà chẳng biết, dù vài trăm trong dạ cũng nhiều nhưng tráng trí bốn phương vẫn còn tha thiết. Khát vọng, hoài bão được thưởng ngoạn, ngao du cứ thế mà bay bổng. Nên điển tích Tử Trường không phải để học cách ghi chép sử kí, mà là học cái thú tiêu dao. Sự học ấy là để hòa mình vào thắng cảnh, nghiên cứu lịch sử, trau dồi học thức và cũng để giải bày tâm sự.

Thế rồi cảnh ấy cũng hiện ra:

Qua cửa Đại Than, ngược bến Đông Triều

...

Nước trời: một sắc, phong cảnh: ba thu

Theo cánh buồm lướt nhẹ, khách từ từ qua từng điểm rồi đến với sông Bạch Đằng. Và một cảnh tượng ngỡ ngàng hiện ra trước mắt: một khung cảnh tuyệt đẹp của mùa thu. Bút pháp miêu tả đầy lãng mạn, một bức tranh thủy mặc trên dòng sông đẹp ở từng đường nét. Có cái bát ngát sóng kinh muôn dặm của một Bạch Đằng không bao giờ ngơi nghỉ, có cái thướt tha của những con thuyền như đuôi trĩ một màu và cảnh trời, sắc nước mênh mông như hòa lẫn vào nhau của một Bạch Đằng thơ mộng, hiền hòa. Phải là một tâm hồn yêu thiên nhiên, bằng con mắt của người nghệ sĩ và cả cái cảm quan đầy chất họa, Trương Hán Siêu mới vẽ được một bức tranh mùa thu đẹp như vậy. Cho nên cảm xúc cứ tự nó reo vui, thích thú trong tâm hồn của khách hải hồ. Có thể thấy, ngay ở những dòng đầu tiên của bài phú, khách đã tạo nên một tâm thế với tráng trí bốn phương rộng lớn của một nghệ sĩ lãng mạn, phóng khoáng và một bậc nho sĩ uyên bác.

Niềm xúc cảm trước thiên nhiên đẹp của bậc tao nhân, thi nhân có tráng trí hùng tâm ở trên khiến ta liên tưởng thấy bóng dáng của Nguyễn Bình Khiêm “Thu ăn măng trúc đông ăn giá/ Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao” (Nhàn) nhưng họ Trương không bày tỏ đạo lý thanh cao như Trạng Trình; thấy cả bóng dáng Cao Bá Quát “Phía bắc núi Bắc, núi muôn trùng/ Phía nam núi Nam, sóng muôn đợt” (Bài ca ngắn đi trên bãi cát) nhưng môn khách Trần Quốc Tuấn không bộc lộ sự chua xót, bất đắc chí như Cao Tử. Trương Hán Siêu đến với thiên nhiên vừa để thỏa chí lãng du vừa để đáp ứng lòng mong mỏi hiểu biết nhiều hơn về phong cảnh nước mình và giải bày niềm tự hào về những công hiển hách của cha ông ta trước đây. Bởi

vậy, khách mới hiện lên chân dung của một trí thức yêu nước, nặng lòng với non sông.

Nhưng ngay trong khoảnh khắc hiện tại, đối diện với Bạch Đằng, cảm xúc vui tươi trước vẻ đẹp của nó chẳng còn, bởi khung cảnh của chiến tích năm xưa giờ chỉ là:

Bờ lau san sát, bến lách đìu hiu

...

Tiếc thay dấu vết luống còn lưu!

Bút pháp tả thực dường như đã vẽ nên một khung cảnh hoàn toàn đối lập. Khách nhìn về trận địa năm xưa sao âm đạm, thê lương! Những bờ lau, bến lách qua hai từ láy san sát, đìu hiu mà đượm buồn. Dòng sông cuộn cuộn sóng khí thế năm xưa giờ chỉ còn giáo gãy, xương khô mà bi thảm. Trong khung cảnh ấy, tâm hồn của mặc khách kia bỗng trùng xuống, có ánh mắt u buồn, có cái nín lặng, cúi đầu mà thương tiếc, xót xa, ngậm ngùi. Cảm xúc thay đổi một cách nhanh chóng đầy thương cảm, bởi sức mạnh ăn mòn vạn vật của thời gian đã làm phai mờ dấu tích oai hùng một thời. Mà sau này nhà thơ Nguyễn Trãi cũng không tránh khỏi được điều đó khi tới đây:

Việc trước quay đầu ôi đã vắng

Tới dòng ngắm cảnh dạ băng khuâng

(Cửa biển Bạch Đằng)

Thế là bao nhiêu thương cảm dồn nén ấy hóa ra lại đẩy lên trong lòng thi nhân một ước vọng được một lần nữa sống lại những khoảnh khắc oai hùng như thuở xưa. Bởi vậy mới có nhân vật các vị bô lão – những người trong cuộc, đã chứng kiến, đã tham gia, giờ đây tái hiện, phục chế lại quá khứ ấy để gieo vào lòng mặc khách niềm tự hào, kiêu hãnh của những chiến thắng lẫy lừng trên dòng sông lịch sử năm xưa. Ca ngợi sông Bạch Đằng là con sông huyền thoại, nổi tiếng nhất quả không sai. Vì hai trận đánh của Trưng Hưng nhị thánh và Ngô chúa năm xưa đã không cho kẻ thù một chút hiển vinh, làm lay động cả trời đất, vũ trụ là ở con sông ấy. Biết bao nhiêu cảm hứng lịch sử ùa về trong lời kể. Tuy nhân vật khách không hề tham gia vào câu chuyện của các vị bô lão, nhưng chúng ta vẫn nhận ra khách tuy ẩn đi mà vẫn hiện ra bằng cảm xúc. Lối kể mang đậm chất ước lệ, cường điệu pha lẫn cảm hứng vũ trụ đã tái hiện sống động, hoành tráng, hào hùng những trận đánh năm xưa. Từ lúc được thua chưa phân, ánh nhật nguyệt phải mờ, trời đất sắp đổi đến khi kẻ thù tan tác tro bay, hoàn toàn chết trụi, nổi nhục nhã muôn đời không

rửa nôi. Đằng sau tất cả là niềm tự hào, hứng khởi của khách. Bao cảm xúc buồn thương trước đó tan biến, nhường chỗ cho sự kiêu hãnh, mãn nguyện, thán phục về một thuở quá đỗi hào hùng, về một truyền thống yêu nước bất diệt không bao giờ mất. Khách cứ thế mà đồng tình với cách cắt nghĩa nguyên nhân những thắng lợi ấy của các vị bô lão. Cũng là một người am hiểu, thấu trọn lẽ đời và cốt lõi lịch sử, khách nhận ra thiên có thời, địa có lợi nhưng nhân phải có hòa mới làm nên được thành công. Và khách dành trọn sự ngợi ca của mình đến những con người anh hùng ấy, đặc biệt là những bậc thánh đế minh vương biết thu phục lòng dân, giữ cuộc điện bằng đức cao sáng chói mới thâm nhuần được non sông, mới ghi tạc vào lịch sử những chiến công hiển hách đến vậy. Lời ca cuối cùng của khách như âm vang theo nhịp sóng Bạch Đằng:

Anh minh hai vị thánh quân

Sông đây rửa sạch mấy lần giáp binh

Giặc tan muôn thuở thẳng bình

Bởi đâu đất hiểm cốt mình đức cao

Phải chăng Bạch Đằng giang cuộn cuộn sóng chảy ra biển Đông cũng là lòng người thi nhân cuộn cuộn sóng? Có cái cuộn cuộn mạnh mẽ về một quá khứ xa xưa, nhưng cũng có cái cuộn cuộn cảm khái, ưu tư về thế thời, xã tắc lúc bấy giờ. Khách bởi vậy mà đã khơi dậy những giá trị lịch sử rất đỗi thiêng liêng của dân tộc, đề cao vị trí, vai trò của con người trong lịch sử nhưng cũng ngầm chuyển tải tâm sự thời thế mà ông chẳng thể nói ra.

Qua bút pháp rất đặc trưng của thơ văn trung đại, nhân vật khách đã được khắc họa thành công trong bài phú, trở thành một hình tượng nghệ thuật đặc sắc của văn học thời kỳ này. Có thể nói, khách đã hội tụ, kết tinh hết thảy những phẩm chất con người của chính tác giả. Khách đã khẳng định cái tôi đậm chất nghệ sĩ hoài cổ mà từ đó giúp Trương Hán Siêu chuyển tải những giá trị tư tưởng có tính lịch sử thiêng liêng và truyền thống vẻ vang của dân tộc trong bài phú.

Văn mẫu lớp 10 Cảm nhận về hình tượng nhân vật khách trong bài thơ Phú sông Bạch Đằng mẫu 2

"Khách có kẻ" trong "Bạch Đằng giang phú" là nhân vật trữ tình không ai khác mà chính là Trương Hán Siêu. Trong các bài phú cổ, nhân vật "khách" không mấy xa lạ. "Ngọc tỉnh liên phú" (bài phú Sen giếng ngọc) của Mạc Đĩnh Chi (?-1346) cũng có nhân vật "khách": ... "Khách có kẻ: nơi nhà cao tựa ghé, trưa mùa hạ nắng nồng. Ao trong ngắm làn nước biếc, Nhạc phủ vịnh khúc Phù Dung". "Khách" ở đây là

Mạc Đĩnh Chi biểu lộ tấm lòng thanh cao, chí khí, tài năng và hoài bão của kẻ sĩ ở đời.

Ta đã từng biết, Trương Hán Siêu là danh sĩ nổi tiếng đời Trần, tính tình cương trực, tâm hồn phóng khoáng. Chín câu đầu cho thấy "khách" là một tao nhân với rượu túi thơ "chơi vui" theo cánh buồm, làm bạn với gió trăng qua mọi miền sông biển. Sống hết mình với thiên nhiên, du ngoạn thăm thú mọi cảnh đẹp xa gần. Đêm thì "chơi trăng mãi miết", ngày thì: "Sớm gõ thuyền chừ Nguyên Tương; Chiều lần thăm chừ Vũ Huyệt",...

Khách đã đi nhiều và biết nhiều. Các danh lam thắng cảnh như Nguyên Tương, Cửu Giang, Ngũ Hồ, Tam Ngô, Bách Việt,... đều ở trên đất nước Trung Hoa mênh mông, ở đây chỉ mang ý nghĩa tượng trưng nói lên một cá tính, một tâm hồn: yêu thiên nhiên tha thiết, lấy việc du ngoạn làm niềm lạc thú ở đời, tự hào về thói "giang hồ" của mình:

"Nơi có người đi

Đâu mà chẳng biết".

Các địa danh xa lạ không chỉ là cảnh đẹp mà còn gợi ra một không gian bao la, chỉ có những người mang hoài bão và "tráng chí bốn phương" mới có thể "giương buồm...lướt bể" đi tới. Đàm Văn Mộng là một thắng cảnh tiêu biểu cho mọi thắng cảnh. Thế mà "Khách" đã "chứa vài trăm trong dạ", đã thăm thú nhiều lần đã từng thưởng ngoạn bao cảnh đẹp tương tự. Vẫn chưa thoả lòng, vẫn còn "tha thiết" với bốn phương trời.

"Đàm Văn Mộng chứa vài trăm trong dạ cũng nhiều

Mà tráng chí bốn phương vẫn còn tha thiết".

Phần đầu bài phú nói lên cốt cách kẻ sĩ: chan hoà với thiên nhiên, lấy chữ "nhàn" làm trọng, gián tiếp phủ định lợi danh tầm thường.

"Qua cửa Đại Than... đến sông Bạch Đằng"

Đoạn văn tiếp theo nói lên niềm vui thú của nhà thơ khi đến chơi sông Bạch Đằng. Trương Hán Siêu đã theo cái chí của người xưa "học Tử Trường" đi về phía Đông Bắc "buông chèo" cho thoả chí "tiêu diêu". Người xưa nói: "Muốn học cái văn của Tư Mã Tử Trường thì trước tiên phải học cái chơi của Tử Trường". Tử Trường là Tư Mã Thiên, tác giả bộ "Sử ký" bất hủ, là nhà văn, nhà sử học tài ba đời Hán. Con

người ấy vẫn được xem là nhà du lịch có một không hai thời xưa. Trương Hán Siêu với cánh buồm thơ lần theo sông núi:

"Qua cửa Đại than, ngược bến Đông triều,

Đến sông Bạch Đằng, bồng bênh mái chèo"

"Bát ngát sóng kinh muôn dặm"

Bạch Đằng giang, con sông oai hùng của Tổ Quốc Đại Việt. Sông rộng và dài, cuộn cuộn nhấp nhô sóng biếc. Cuối thu (ba thu) nước trời một màu xanh bao la "Bát ngát sóng kinh muôn dặm – Thuốt tha đuôi trĩ một màu- Nước trời: một sắc- Phong cảnh ba thu".

Câu văn tả thực mượn một hình ảnh của Vương Bột trong bài "Đề Vương các" "Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc" (Sông thu cùng với trời xa một màu). Tả con sông Bạch Đằng, vua Trần Minh Tông (1288-1356) viết: "Thuồng luồng nuốt thủy triều, cuộn làn sóng bạc... Trông thấy nước dòng sông rọi bóng mặt trời buổi chiều đỏ ối- Làm tưởng rằng máu người chết vẫn chưa khô" (Bạch Đằng giang – Dịch nghĩa). Cảnh núi non, bờ bãi được miêu tả, đã tái hiện cảnh chiến trường rừng rợn một thời:

"Bờ lau san sát

Bến lách đù hiu

Sông chìm giáo gậy

Gò đầy xương khô"

Bờ lau, bến lách gợi tả không khí hoang vu. hiu hắt. Núi gò, bờ bãi trập trùng như gươm giáo, xương cốt lũ giặc phương Bắc chất đống. Nét vẽ hoành tráng ấy, một thế kỷ sau Úc Trai cũng viết: "Ngạc chặt kinh bầm non lỏm chỏm – Giáo chìm gươm gậy bãi dăng dăng" ("Cửa Biên Bạch Đằng").

Trương Hán Siêu miêu tả dòng sông Bạch Đằng bằng những đường nét, màu sắc gợi cảm. Những ẩn dụ và liên tưởng mới về dòng sông lịch sử hùng vĩ được miêu tả qua những cặp câu song quan và tứ tự tuyệt đẹp. Mấy chục năm sau trận đại thắng trên sông Bạch Đằng (1288) nhà thơ đến thăm dòng sông cảm thương xúc động:

"Buồn vì cảnh thảm

Đứng lặng giờ lâu

Thương nỗi anh hùng đâu vắng tá

Tiếc thay dấu vết luống còn lưu".

Một tâm trạng: "buồn, thương tiếc", một cảm xúc "đứng lặng giờ lâu" của "khách" đều biểu lộ sự xúc động, lòng tiếc thương và biết ơn sâu sắc, vô hạn đối với anh hùng liệt sĩ đã đem xương máu bảo vệ dòng sông và sự tồn vong của dân tộc. Đó là tình nghĩa thủy chung "uống nước nhớ nguồn"

"Mà nhục quân thù khôn rửa nổi"

Các bô lão – nhân vật thứ hai xuất hiện trong bài phú. Từ miêu tả và trữ tình, nhà thơ chuyển sang tự sự, ngôn ngữ sống động biến hoá hẳn lên, Cảm hứng lịch sử mang âm điệu anh hùng ca dâng lên dào dạt như những lớp sóng trên sông Bạch Đằng vỗ. Khách và bô lão ngắm dòng sông, nhìn con sóng nhấp nhô như sóng lại những năm tháng hào hùng oanh liệt của tổ tiên:

"Đây là chiến địa buổi Trưng Hưng nhị thánh bắt Ô mã,

Cũng là bãi đất xưa thuở trước Ngô chúa phá Hoàng Thao".

Cảm nhận về hình tượng nhân vật khách trong bài thơ Phú sông Bạch Đằng Văn 10 hay nhất mẫu 3

Nhân vật khách là sự hoá thân của tác giả. Nhân vật có thú du ngoạn là để thưởng thức vẻ đẹp thiên nhiên, sống với thiên nhiên và để nghiên cứu tìm hiểu lịch sử đất nước. Hai câu đầu cho thấy niềm say mê vui thú gió trăng với tâm hồn khoáng đạt, rộng mở. Những địa danh Trung Hoa được nhắc đến cho biết thêm, tác giả cũng đã du ngoạn xứ người qua sách vở, tưởng tượng. Tâm hồn và tri thức nhờ đó mà được bồi dưỡng khá phong phú. Thế nhưng vẫn chưa toại nguyện, tác giả còn khát khao “vẫy vùng” trong bể tri thức cho thoả tráng chí: Mà tráng chí bốn phương vẫn còn tha thiết.

Tác giả cho rằng mình học Tử Trường (Tư Mã Thiên) đi thú tiêu dao. Điều đó có nghĩa là tác giả không chỉ say mê thiên nhiên đẹp mà còn có ý thức tìm hiểu lịch sử dân tộc, muốn sưu tầm lưu giữ những kì tích, chiến công của nhân dân bao thế hệ mà có thể sử quan triều đình chưa biết hết. Ý thức lịch sử, tinh thần dân tộc của học giả thật đáng ca ngợi. Trở về với những danh thắng của đất nước, tác giả không khỏi sung sướng và tự hào:

Qua cửa Đại Than, ngược bến Đông Triều,

Đến sông Bạch Đằng, thuyền bơi một chiều.

Bát ngát sóng kinh muôn dặm,

Thướt tha đuôi trĩ một màu.

Đây là điểm đến mà tác giả từng chờ đợi, ao ước nên bây giờ tận mắt chiêm ngưỡng mới thật hào hứng, mới thấy hết vẻ hùng tráng và không khí tấp nập ghe thuyền buôn bán của miền đất trù phú. Nếu làm phép so sánh ngầm về danh thắng giữa nước ta với Trung Hoa sẽ thấy tác giả rất đỗi tự hào vì đất nước mình cũng có những danh thắng đâu kém gì. Nhưng tác giả không chỉ đến đây ngắm cảnh mà còn tìm hiểu lịch sử nên nhìn dòng sông qua lớp sóng thời gian, thấy đâu đó trong không gian như còn lưu giữ hình ảnh chiến địa hoang tàn cùng với những ánh hùng chiến trận nay đã thành người thiên cổ:

Bờ lau san sát, bến lách đìu hiu.

Sông chìm giáo gậy, gò đầy xương khô,

Buồn vì cảnh thảm, đứng lặng giờ lâu.

Thương nỗi anh hùng đâu vắng tá,

Tiếc thay dấu vết luống còn lưu!

Âm hưởng lời ca trầm lắng, suy tư mở ra cảnh đẹp bát ngát, trong sáng êm ả nhưng ảm đạm, đìu hiu. Lời ca chứa đựng mối u hoài, mặc tưởng. Trong đó phảng phất nỗi buồn thương cho vật đổi sao dời: chiến trường oanh liệt, những dũng tướng oai hùng đã phai nhoà theo dấu vết thời gian. Nỗi thương tiếc quá khứ ấy đã biểu hiện tấm lòng yêu kính tiền nhân. Hình ảnh khách hiện lên trong đoạn đầu có tâm hồn đẹp và giàu ý thức dân tộc.

Chiến trận Bạch Đằng xưa hiện ra qua lời kể của các bô lão. (Từ câu: Bên sông các bô lão... đến câu: Nghìn thu chỉ có anh hùng lưu danh). Bô lão là nhân vật tập thể, là người địa phương, nhưng cũng có thể là tác giả. Thái độ của bô lão với khách: vừa tôn kính (vái tạ) vừa nhiệt tình, hăm hđ kể chuyện xưa. Họ cũng hãnh diện tự hào về quê hương lịch sử của mình qua câu ca dài hơi như lịch sử giữ nước:

Đây là nơi chiến địa buổi Trưng Hưng nhị thánh bắt

Ô Mã cũng là bãi đất xưa, thuở trước

Ngô chúa phá Hoàng Thao.

Họ đã tái hiện cảnh chiến trường qua bút pháp chấm phá:

Thuyền bè muôn đội, tinh kì phấp phới

Hùng hổ sáu quân, giáo gươm sáng chói.

Trận đánh được thua chưa phân,

Chiến lũy bắc nam chống đối.

Ánh nhật nguyệt chừ phải mờ,

Bầu trời chừ sắp đổi.

Cách kể chuyện khá tài hoa, cô đọng, chỉ điếm qua những nét chính mà dựng cả quang cảnh, diễn biến và không khí chiến trường. Cuộc chạm trán trên sông thật dữ dội hoành tráng, trận kịch chiến đôi đầu giằng co quyết liệt, long trời lở đất, mịt mù khói lửa. Biện pháp thậm xưng đã thể hiện khí thế ngất trời, cuối cùng chiến thắng vẻ vang thuộc về quân ta, làm nổi rõ “hào khí Đông A” một thời. Lời bình của người kể:

– Bọn giặc tham lam, bất nghĩa nên thất bại. Đó là nỗi nhục của quân thù không thể phai và là tấm gương soi cho lịch sử: Đến nay nước sông tuy chảy hoài Mà nhục quân thù khôn rửa nổi! Ta chiến thắng tung bừng là nhờ địa thế hiểm trở và nhờ nhân tài. Lời bình vừa tự hào vừa khâm phục, ca ngợi lịch sử giữ nước hào hùng:

Quả là: Trời đất cho nơi hiểm trở,

Cùng nhờ: Nhân tài giữ cuộc điện an.

So sánh trận Bạch Đằng với những trận chiến nổi tiếng của Trung Hoa như Xích Bích, Hợp Phì, là cho thấy sự nổi tiếng và tầm oanh liệt ngang nhau, khẳng định trang trọng tài trí Ngô Quyền và vua tôi nhà Trần là bất tử. Sự so sánh còn thể hiện niềm tự hào dân tộc. Đoạn phú tự sự đậm chất sử thi, anh hùng ca và niềm tự hào lịch sử qua giọng kể hào hứng, đĩnh đạc, trang nghiêm,

Lời ca cuối của các bô lão:

Sông nước hùng vĩ chảy muôn đời.

Anh hùng chính nghĩa sẽ để tiếng thơm cho muôn sau.

Đó là chân lí vĩnh viễn. Lời ca sáng khoái, tự hào vang mãi cùng sông nước và hình bóng các bô lão cũng theo thuyền khuất dần sau bờ lau cao.

Lời ca của khách điệp theo: (Còn lại)

Anh minh hai vị thánh quân

Sông đây rửa sạch hai lần giáp binh.

Giặc tan muôn thuở thanh bình

Bởi đâu đất hiểm cốt mình đức cao.

Tác giả cũng ca ngợi công đức, tài năng của hai vị vua nhà Trần: Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông nhưng khác với các bô lão, Trương Hán Siêu đề cao vai trò của con người chứ không phải nhờ địa thế hiểm yếu và bổ sung lễ sống đạo đức của giống nòi. Đó là chân lí, lẽ phải làm nên chiến thắng.

Lời kết thúc bài phú vừa bộc lộ lòng tự hào dân tộc vừa thể hiện tư tưởng nhân văn cao đẹp. Giá trị nội dung: Qua việc tái hiện chiến thắng lịch sử hùng tráng trên sông Bạch Đằng và lời bình luận, bài phú đã ca ngợi sự tích anh hùng, niềm tự hào dân tộc và tư tưởng nhân văn cao đẹp. Đây là tác phẩm tiêu biểu của thơ văn yêu nước thời Lí – Trần. Giá trị nghệ thuật: Câu tứ đơn giản mà hấp dẫn, kết cấu chặt chẽ, ngôn ngữ trang trọng giàu sức biểu hiện, hình tượng nghệ thuật sinh động (khách, bô lão, cảnh chiến trường...), giọng điệu phong phú...